

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:...Cung cấp điện.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:08/11/2021.....****Giờ thi:.....12:30.....****Phòng thi: ...ON25...****Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228211	1	2118050004	Nguyễn Phan Thế	Bảo	29/10/2000	CCQ1805A	8.5	8.5	8.5	
228211	2	2119050106	Trần Gia	Bảo	17/09/2001	CCQ1905D	8.5	9.5	9.1	
228211	3	2120200002	Đoàn Hữu	Bằng	30/10/2002	CCQ2005D	8.0	8.5	8.3	
228211	4	2118050006	Nguyễn Khánh	Bình	30/08/2000	CCQ1805A	8.0	8.5	8.3	
228211	5	2120050098	Trần Quốc	Cường	05/03/2002	CCQ2005C	7.0	8.0	7.6	
228211	6	2120050099	Mai Hồng	Dàng	05/11/2002	CCQ2005C	7.8	8.5	8.2	
228211	7	2120050108	Nguyễn Trúc	Duy	05/07/2002	CCQ2005D	8.5	8.5	8.5	
228211	8	2120050071	Lê Viết	Đặng	17/01/2002	CCQ2005C	7.8	8.0	7.9	
228211	9	2119050110	Nguyễn Thanh	Hải	16/05/2000	CCQ1905D	8.5	8.0	8.2	
228211	10	2120050100	Đoàn Đức	Hào	08/06/2002	CCQ2005C	7.8	8.5	8.2	
228211	11	2119050113	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	26/10/2001	CCQ1905D	8.5	9.0	8.8	
228211	12	2118050015	Lê Công	Hậu	04/09/2000	CCQ1805A	8.0	8.5	8.3	
228211	13	2120050110	Phạm Công	Hậu	30/08/2002	CCQ2005D	7.5	8.5	8.1	
228211	14	2120050136	Ngô Nguyễn Hoàng	Hiệp	28/01/2002	CCQ2005D	8.5	8.5	8.5	
228211	15	2119050078	Nguyễn Quang	Hiếu	25/10/2001	CCQ1905C	7.5	7.5	7.5	
228211	16	2120050137	Nguyễn Hoàng	Huy	10/07/2002	CCQ2005D	7.5	8.0	7.8	
228211	17	2120050113	Tạ Ngọc	Huy	10/07/2002	CCQ2005D	8.0	8.0	8.0	
228211	18	2120050075	Lê Văn	Huỳnh	25/01/2002	CCQ2005C	8.5	8.0	8.2	
228211	19	2120050115	Trương Duy	Khánh	13/06/2002	CCQ2005D	8.0	8.5	8.3	
228211	20	2120050117	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa	19/09/2001	CCQ2005D	8.5	8.5	8.5	
228211	21	2120170330	Nguyễn Văn	Khoa	05/11/2002	CCQ2005D	7.5	8.5	8.1	
228211	22	2120170404	Trần Duy	Khoan	18/11/2002	CCQ2005D	8.5	8.5	8.5	
228211	23	2120050076	Lê Tiền	Khôi	13/08/2002	CCQ2005C	8.0	9.0	8.6	
228211	24	2119050116	Phùng Khắc	Khôi	10/02/2001	CCQ1905D	7.0	8.5	7.9	
228211	25	2118050026	Lý Đức	Kỳ	13/11/1999	CCQ1805A	8.5	8.5	8.5	
228211	26	2119050085	Trần Văn Ngọc	Long	11/08/2000	CCQ1905C	8.5	9.0	8.8	
228211	27	2120050101	Nguyễn Hữu	Luân	09/12/2002	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	28	2120050102	Nguyễn	Luật	12/06/2002	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	29	2120050079	Thiên Sanh	Lực	16/02/2000	CCQ2005C	8.5	7.5	7.9	
228211	30	2120050078	Phú Văn	Lương	11/03/2001	CCQ2005C	8.0	7.0	7.4	
228211	31	2120050080	Phạm Công	Lý	06/06/2002	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	32	2120050081	Lương Trí	Minh	06/10/2000	CCQ2005C	8.5	9.0	8.8	
228211	33	2118050035	Nguyễn Ngọc	Minh	09/07/2000	CCQ1805A	7.8	8.5	8.2	
228211	34	2119050119	Trần Phương	Nam	25/08/1998	CCQ1905D	8.5	9.0	8.8	
228211	35	2118050037	Nguyễn Văn	Ngọc	07/02/1999	CCQ1805A	8.0	8.5	8.3	
228211	36	2119050122	Phan Thanh	Nhân	10/08/2000	CCQ1905D	8.5	9.5	9.1	Trang 2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:....Cung cấp điện.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:08/11/2021.....****Giờ thi:.....12:30.....****Phòng thi: ...ON25...****Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228211	37	2120050119	Nguyễn Phúc	Nhân	09/06/2001	CCQ2005D	8.0	8.5	8.3	

Số sinh viên có mặt: 37**Số bài thi: 37****Số sinh viên vắng mặt: 0****Số tờ giấy thi: 37**

Ghi chú : Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Mai Văn Lê**Cán bộ chấm thi 1**

Mai Văn Lê**Cán bộ coi thi 2**

Trần Thiện Tường**Cán bộ chấm thi 2**

Trần Thiện Tường

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:...Cung cấp điện.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:08/11/2021.....****Giờ thi:.....12:30.....****Phòng thi: ...ON18...****Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228211	1	2120050083	Tô Thanh	Nhân	12/11/2002	CCQ2005C	7.5	8.0	7.8	
228211	2	2120050084	Lê Văn	Nhất	01/01/2002	CCQ2005C	8.5	9.5	9.1	
228211	3	2119050123	Lâm Hà	Phi	31/03/2001	CCQ1905D	7.8	9.0	8.5	
228211	4	2119050126	Đàm Văn	Phong	26/11/1999	CCQ1905D	8.5	8.5	8.5	
228211	5	2119050092	Huỳnh Hữu	Phước	14/04/2001	CCQ1905C	8.5	9.0	8.8	
228211	6	2118050212	Đồng Văn	Phương	15/07/1999	CCQ1805A	8.5	8.0	8.2	
228211	7	2119050091	Phạm Ngọc	Phương	19/10/2001	CCQ1905C	8.0	9.0	8.6	
228211	8	2120050104	Trương Thanh	Phương	04/05/2002	CCQ2005C	8.5	8.3	8.4	
228211	9	2120050121	Võ Đình	Quý	24/11/2001	CCQ2005D	7.0	5.0	5.8	
228211	10	2120110125	Huỳnh Văn	Sáng	18/09/2000	CCQ2005D	7.3	8.5	8.0	
228211	11	2119050097	Nguyễn Tấn	Tài	09/12/2001	CCQ1905C	8.0	9.0	8.6	
228211	12	2120050021	Phạm	Sáng	28/02/1998	CCQ2005A				Vắng
228211	13	2117050137	Nguyễn Văn	Tây	19/02/1998	CCQ1705B	8.5	8.0	8.2	
228211	14	2120050088	Nguyễn Công	Thạnh	06/11/2002	CCQ2005C	8.0	8.0	8.0	
228211	15	2119050132	Trịnh Quốc	Thắng	28/02/2001	CCQ1905D	8.5	9.5	9.1	
228211	16	2118050052	Bá Cao	Thính	15/09/1999	CCQ1805A	8.5	8.5	8.5	
228211	17	2120050138	Vì Phú	Thịnh	30/11/2002	CCQ2005D	8.0	8.5	8.3	
228211	18	2120060052	Nguyễn Văn	Thông	16/07/2001	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	19	2119050135	Nguyễn Minh	Thuận	20/11/2001	CCQ1905D	8.5	9.0	8.8	
228211	20	2120050091	Nguyễn Nhật	Tiến	24/02/2002	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	21	2119050102	Sư Minh	Tốt	22/09/1999	CCQ1905C	7.5	7.5	7.5	
228211	22	2118050131	Lê Trọng	Trí	12/12/2000	CCQ1805B	8.0	8.5	8.3	
228211	23	2118060039	Nguyễn Châu	Trọng	07/11/2000	CCQ1805C	7.3	6.5	6.8	
228211	24	2118050132	Lê Đình	Trung	25/09/2000	CCQ1805B	8.0	8.5	8.3	
228211	25	2120120515	Nguyễn Quốc	Trung	30/08/2002	CCQ2005C	6.8	8.5	7.8	
228211	26	2119050137	Huỳnh Nhật	Trường	16/08/2000	CCQ1905D	8.5	9.5	9.1	
228211	27	2120050124	Lê Vũ	Trường	17/11/2002	CCQ2005D	7.8	8.0	7.9	
228211	28	2120050139	Đỗ Quốc	Trượng	30/07/2002	CCQ2005D	8.0	8.5	8.3	
228211	29	2120050105	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	14/12/2002	CCQ2005C	8.0	8.5	8.3	
228211	30	2120050095	Phan Ngọc	Tú	12/03/2002	CCQ2005C	8.5	8.5	8.5	
228211	31	2118050066	Trần Văn Han	Ty	03/03/2000	CCQ1805A	8.5	8.5	8.5	
228211	32	2120050140	Phạm Văn	Vàng	27/04/2002	CCQ2005D	7.5	8.5	8.1	
228211	33	2118030192	Phạm Nhân	Văn	24/01/2000	CCQ1805C	7.5	9.5	8.7	
228211	34	2118050137	Lê Thanh	Việt	30/10/2000	CCQ1805B	8.5	5.5	6.7	
228211	35	2118050204	Nguyễn Quốc	Việt	22/05/2000	CCQ1805C	7.0	8.5	7.9	
228211	36	2118050205	Lê Hùng	Vin	02/02/2000	CCQ1805C	7.0	8.5	7.9	Trang 2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:....Cung cấp điện.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:08/11/2021.....****Giờ thi:.....12:30.....****Phòng thi: ...ON18...****Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....**

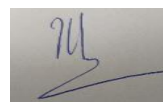
Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228211	37	2120170527	Đình Quang	Vinh	10/01/2002	CCQ2005D	8.5	8.5	8.5	

Số sinh viên có mặt: 36**Số bài thi: 36****Số sinh viên vắng mặt: 01****Số tờ giấy thi: 36**

Ghi chú : Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Mai Văn Lê**Cán bộ chấm thi 1**

Mai Văn Lê**Cán bộ coi thi 2**

Trần Thiện Tường**Cán bộ chấm thi 2**

Trần Thiện Tường